

Bản án số: 37/2019/DS-PT

Ngày 28 - 8 - 2019

V/v: “Yêu cầu tuyên bố
hợp đồng vô hiệu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Mai

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Chung

Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Đức Hậu, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Ông Nguyễn Phương Nam, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Kim Văn D, sinh năm 1972 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Kim Văn D: Ông Nguyễn Văn H - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV G, Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt) .

Địa chỉ: Số 17, đường U, phường S, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kim Hồng C - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Hợp tác xã (có mặt).

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn P, sinh năm 1955 (có mặt);

- Bà Kim Thị N, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bà Kim Thị P1, sinh năm 1973 (vắng mặt);

- Chị Kim Thị D1, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Đều ở địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Kim Thị P1: Ông Nguyễn Văn H - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV G, Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Địa chỉ: Số 17, đường U, phường S, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Thanh C1 - Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân L - Phó chủ tịch (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/11/2018) (Vắng mặt) .

4. Người kháng cáo: Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/4/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/11/2018 cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Gia đình ông Kim Văn D là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 187, tờ bản đồ số 5, diện tích 480m² tại xứ đồng A thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I756959 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp ngày 24/8/1996, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0717/QSDĐ. Từ khi sử dụng thửa đất đến nay gia đình ông D luôn sử dụng ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và không có tranh chấp với ai.

Tuy nhiên, ngày 05/01/2011, Ban quản trị Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ, do ông Kim Hồng C - Chủ nhiệm, ông Lê Xuân T - Kế toán và ông Kim Văn B - Trưởng Kiểm soát đã tự ý ký Hợp đồng kinh tế nuôi thả cá khu vực A với ông Lê Văn P giao tổng diện tích 27 mẫu cho ông Lê Văn P trong đó có thửa đất số 187, diện tích 480m², tại tờ bản đồ số 5 thuộc quyền sử dụng của gia đình ông D mà không có sự đồng ý của ông D. Thời điểm Hợp tác xã ký Hợp đồng kinh tế, gia đình ông D không biết. Theo quy định pháp luật gia đình ông D là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất nêu trên, do vậy muốn chuyển quyền sử dụng, cho thuê,... phải được sự đồng ý của gia đình ông D, nhưng quá trình gia đình ông D sử dụng đất, không hề biết việc Hợp tác xã giao đất cho ông Lê Văn P. Việc ký

kết hợp đồng giữa Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ với ông Lê Văn P là việc làm vi phạm pháp luật xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích của gia đình ông D. Vì vậy, ông D đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng kinh tế nuôi thả cá khu vực A ngày 05/01/2011 giữa Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ với ông Lê Văn P đối với thửa đất số 187, tờ bản đồ 05, diện tích đất 480m² vô hiệu, yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu và buộc Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ với ông Lê Văn P trả cho gia đình ông diện tích đất trên. Ngoài ra, ông D còn yêu cầu Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ, ông Lê Văn P phải liên đới bồi thường cho gia đình ông 1380kg thóc tương ứng số tiền 12.420.000đ do không cấy được lúa từ năm 2012 đến năm 2017.

Bị đơn Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ, người đại diện theo pháp luật ông Kim Hồng C trình bày: Ông D là xã viên Hợp tác xã nông nghiệp Đ. Gia đình ông Kim Văn D có diện tích đất sản xuất nông nghiệp tại xứ đồng A thuộc loại đất 01 lúa, 01 cá. Hiện tại và từ trước đến nay gia đình ông D và các hộ xã viên trong Hợp tác xã vẫn sản xuất vụ Chiêm Xuân. Sau khi thu hoạch xong vụ Chiêm Xuân toàn bộ diện tích canh tác trở thành mặt nước (địa hình và ảnh hưởng của thời tiết mưa nhiều) nên không canh tác được, vì vậy Hợp tác xã đã tổ chức đấu thầu cho các cá nhân có nhu cầu nuôi thả cá để lấy kinh phí chi vào công việc chung của thôn và Hợp tác xã. Trước khi tổ chức đấu thầu Hợp tác xã đã căn cứ vào biên bản bàn giao quỹ đất chung và diện tích đầm ao hồ của trưởng thôn Đ sang Hợp tác xã quản lý và Quyết định của Ủy ban nhân dân xã B ngày 06/4/2004 giao toàn bộ diện tích quỹ đất chung và diện tích đầm ao hồ của thôn Đ sang Hợp tác xã quản lý. Ngày 29 và 30 tháng 12 năm 2009, Hợp tác xã nông nghiệp Đ tổ chức đại hội xã viên nhiệm kỳ 2010 - 2014, đại hội nhất trí không thu sản phẩm dịch vụ trên diện tích chia theo Nghị định 64 của xã viên mà cho thầu diện tích mặt nước các đầm hồ ao của thôn do Hợp tác xã quản lý. Sau khi thông báo rộng rãi thông tin trên loa truyền thanh của thôn về việc thầu cá khu vực A (khu vực đầm ao hồ thuộc diện tích mặt nước 01 lúa). Ngày 05/01/2011, Hợp tác xã tổ chức đấu thầu công khai ông Lê Văn P là người trúng thầu và thả cá từ đó đến nay. Thời hạn thầu từ năm 2011 đến hết năm 2020. Ông Kim Văn D khởi kiện yêu cầu tuyên bố Hợp đồng kinh tế nuôi thả cá khu vực A vô hiệu là không có căn cứ vì gia đình ông D là xã viên của Hợp tác xã Đ, hiện nay đang hưởng quyền lợi từ việc cho thầu diện tích mặt nước này cụ thể là không phải nộp bất cứ loại dịch vụ nào cho Hợp tác xã trên diện tích đất được chia và được hưởng các dịch vụ của Hợp tác xã phục vụ cho việc tưới tiêu, bảo vệ sản xuất vụ chiêm xuân. Khi tổ chức đấu thầu diện tích trên, ông D có mặt nhưng không được tham gia đấu thầu vì trước đó ông D còn nợ sản phẩm của Hợp tác xã, ông D cũng là người trực tiếp nuôi thả cá khu vực A đến hết năm 2010 trước khi ông P trúng thầu.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn P trình bày: Ngày 05/01/2011, Hợp tác xã tổ chức đấu thầu

công khai ông là người trúng thầu diện tích mặt nước 27 mẫu tại khu vực A và thả cá từ đó đến nay. Thời hạn thầu 10 năm từ năm 2011 đến hết năm 2020. Sau khi trúng thầu ông được Hợp tác xã nông nghiệp Đ giao đủ diện tích thầu là 27 mẫu. Trách nhiệm của người trúng thầu là: Không được thả cá khi xã viên cấy lúa, đến ngày 30/3 hàng năm mới được thả cá thả cỏ và phải có lưới bảo vệ lúa. Nếu thả cá mà ăn lúa hoặc phá lúa thì phải đền bù cho xã viên bằng 100 kg thóc/sào/vụ. Phải điều tiết nước đảm bảo nhu cầu sản xuất lúa của xã viên cho đến khi thu hoạch xong. Đến lịch gieo mạ phải tháo nước để xã viên gieo mạ. Theo hợp đồng thầu, hàng năm người dân có ruộng tại khu vực ông đầu thầu vẫn cấy lúa một vụ chiêm xuân còn vụ mùa không cấy được vì ngập nước. Ông Kim Văn D đề nghị tuyên bố hợp đồng kinh tế giữa ông và Hợp tác xã Nông nghiệp Đ vô hiệu đối với phần diện tích đất của gia đình ông D. Ông P không đồng ý bồi thường lúa theo yêu cầu của ông D vì đến vụ cấy ông vẫn tháo nước để các hộ dân và gia đình ông D cấy lúa, ông khẳng định không gây thiệt hại gì cho gia đình ông D. Trường hợp Tòa án tuyên bố Hợp đồng nuôi thả cá vô hiệu, ông P đề nghị Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Đ phải trả cho ông tổng số tiền là: 220.000.000đ, cụ thể: Tiền sản lượng năm 2011 đến năm 2020: 110.000.000đ; tiền đặt cược: 30.000.000đ; tiền mua lưới quây cá, làm thuyền, lưới đánh cá mà không được sử dụng hết thời gian là: 20.000.000đ; tiền thiệt hại do không được tiếp tục nuôi thả cá trong năm 2019 và năm 2020 mỗi năm 30.000.000đ. Ông P không đồng ý bồi thường lúa theo yêu cầu của ông D vì đến vụ cấy ông vẫn tháo nước để các hộ dân và gia đình ông D cấy lúa, ông khẳng định không gây thiệt hại gì cho gia đình ông D. Trường hợp Tòa án tuyên bố Hợp đồng nuôi thả cá vô hiệu, ông P đề nghị Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Đ phải trả cho ông tổng số tiền là: 220.000.000đ, cụ thể: Tiền sản lượng năm 2011 đến năm 2020: 110.000.000đ; tiền đặt cược: 30.000.000đ; tiền mua lưới quây cá, làm thuyền, lưới đánh cá mà không được sử dụng hết thời gian là: 20.000.000đ; tiền thiệt hại do không được tiếp tục nuôi thả cá trong năm 2019 và năm 2020 mỗi năm 30.000.000đ. Về diện tích đất của ông dân ông Lê Văn P đồng ý trả lại hộ gia đình ông D.

- Bà Kim Thị N (vợ ông Lê Văn P) trình bày: Xác nhận như ông Lê Văn P và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bà Kim Thị P1 (vợ ông D), cháu Kim Thị D1 (con ông D) xác nhận như trình bày của ông Kim Văn D.

- Đại diện của UBND xã B trình bày :

Nguồn gốc 27 mẫu đất khu vực A, Hợp tác xã nông nghiệp Đ cho ông Lê Văn P thầu là đất 1 vụ lúa, 1 vụ cá. Từ năm 1993 đến năm 2004 đất này do Trưởng thôn quản lý, năm 1993 Ủy ban nhân dân xã chia ruộng cho các hộ dân theo Nghị định 64/1993/NĐ-CP. Trong 27 mẫu, có 04 mẫu là đất ngòi, ao chuôm và 07 sào quỹ đất chung không chia, diện tích đất còn lại 22 mẫu 03 sào được chia cho 190 hộ dân, trong đó có hộ nhà ông D được chia 480m². Năm

2004, Ủy ban nhân dân xã B giao toàn bộ diện tích đất trên cho Hợp tác xã nông nghiệp Đ quản lý và cho thuê thu sản phẩm phục vụ Hợp tác xã, chính quyền và nhân dân. Việc Hợp tác xã nông nghiệp Đ giao cho ông Lê Văn P thuê diện tích đất trên là đúng. Ông Kim Văn D đề nghị tuyên bố hợp đồng thuê giữa Hợp tác xã nông nghiệp Đ với ông Lê Văn P vô hiệu và phải liên đới bồi thường thóc do không cấy được lúa từ năm 2012 đến 2017, Ủy ban nhân dân xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2017/DS-ST ngày 02/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y đã quyết định:

Áp dụng Điều 116, 117, 118, 119, 122, 123, 132, 483, 484, 485 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Kim Văn D đề nghị tuyên bố hợp đồng kinh tế nuôi thả cá khu vực A ngày 05/01/2011 giữa Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ với ông Lê Văn P vô hiệu.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, ngày 03/10/2017 ông Kim Văn D kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y.

Ngày 13/10/2017 ông D có đơn kháng cáo bổ sung, chỉ yêu cầu sửa bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo ông D cho rằng: HTX Dịch vụ nông nghiệp Đ tự ý mang thửa đất của gia đình ông ký hợp đồng thuê khoán với ông Lê Văn P là trái quy định của pháp luật, hạn chế quyền của người sử dụng đất; UBND xã B không có quyền giao đất nông nghiệp thuộc quỹ đất chung của thôn Đ do ông Lê Văn T là trưởng thôn đang quản lý sang cho Ban quản lý HTX Dịch vụ Nông nghiệp Đ; HTX Dịch vụ Nông nghiệp Đ hoạt động không đúng với ngành nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước; Không có việc ông trúng thầu ruộng và cũng không là người trực tiếp nuôi thả cá khu A trước khi ông P trúng thầu. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông D chỉ đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng giữa HTX Dịch vụ nông nghiệp Đ và ông Lê Văn P vô hiệu.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 20/2017/DS-ST ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 02/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết lại vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Y đã quyết định:

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, 122, 130, 131, 483 và Điều 484 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố Hợp đồng kinh tế nuôi thả cá khu vực A giữa Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Đ và ông Lê Văn P ngày 05/01/2011 đối với diện tích đất ruộng 480m² của hộ gia đình ông Kim Văn D vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Kim Văn D về việc buộc Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ và ông Lê Văn P phải trả lại thửa đất ruộng số 187, tờ bản đồ số 5, diện tích 480m². Cấm ông Lê Văn P thả cá vào thửa đất trên của gia đình ông Kim Văn D. Khi thả cá phải có biện pháp bảo vệ không cho cá vào đất nông nghiệp của hộ gia đình ông D.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Kim Văn D về việc buộc Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ và ông Lê Văn P phải liên đới bồi thường 1380kg thóc tính từ năm 2012 đến năm 2017 là: 12.420.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29 tháng 01 năm 2019, bị đơn Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm; ngày 11 tháng 02 năm 2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Y kháng nghị sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Kim Văn D trình bày không tiếp tục ủy quyền cho bà Đỗ Thị Thanh L làm người đại diện theo ủy quyền mà tự mình tham gia tố tụng do vậy tại phiên tòa phúc thẩm không có người đại diện theo ủy quyền của ông Kim Văn D. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có yêu cầu xét xử vắng mặt nên được chấp nhận xét xử vắng mặt theo khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự,

[2] Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ xác định hộ ông Kim Văn D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 187, diện tích 480m², tờ bản đồ số 5 tại xứ đồng A thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Ông D cho rằng việc Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ ký Hợp đồng kinh tế nuôi thả cá khu vực A với ông Lê Văn P đã xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông nên đã có đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố giao dịch trên vô hiệu. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông D nên Hợp tác xã Nông nghiệp Đ có đơn kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y kháng nghị.

Xét kháng cáo thấy rằng: Theo Luật đất đai quy định Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ được quản lý, sử dụng đối với đất 5% còn đối với diện tích đất ruộng đã được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai thì người đó được quyền sử dụng, định đoạt. Do vậy, Ủy ban nhân dân xã B giao cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Đ được quyền quản lý, đấu thầu đối với diện tích đất 27 mẫu trong đó có 480m² đất ruộng của hộ gia đình ông D đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không có ý kiến đồng ý của gia đình ông D là không đúng quy định của pháp luật.

Trước khi tổ chức đấu thầu công khai diện tích đất 27 mẫu trong đó có 480m² đất ruộng của gia đình ông D, Hợp tác xã có tổ chức Đại hội xã viên. Theo biên bản họp ngày 25/11/2010 có 183 đại biểu tham dự/ 200 đại biểu, mặc dù điều lệ hợp tác xã quy định khi đại hội xã viên phải có ít nhất 2/3 xã viên tham dự nhưng theo khoản 1 Điều 23 Luật hợp tác xã năm 2003 quy định: “1. *Đại hội xã viên phải có ít nhất hai phần ba tổng số xã viên hoặc đại biểu xã viên tham dự ...*”. Như vậy, số đại biểu tham dự đại hội xã viên như trên đã bảo đảm đúng số lượng theo quy định, trong đại hội này 100% đại biểu tham dự biểu quyết nhất trí cho “*đấu thầu công khai thu sản phẩm bằng cá quy ra tiền*” đối với diện tích đất 27 mẫu.

Tuy nhiên, ông Kim Văn D cũng là xã viên Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Đ nhưng không phải là đại biểu xã viên nên không được tham dự đại hội ngày 25/11/2010 và không được biểu quyết nội dung nêu trên. Mặt khác, khi ông D tham gia Hợp tác xã không góp vốn là quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ruộng 480m² của gia đình ông. Việc Hợp tác xã cho ông Lê Văn P thầu 27 mẫu đất ở A để thả cá trong đó có đất ruộng của gia đình ông D theo biên bản họp xã viên ngày 25/11/2010 mà không có ý kiến đồng ý của gia đình ông D là không đúng theo quy định của pháp luật. Ông Kim Hồng C đại diện hợp tác xã nông nghiệp Đ cho rằng ông D nợ sản phẩm của Hợp tác xã nên không được dự Đại hội xã viên nhưng không có chứng cứ gì chứng minh về việc nợ sản phẩm.

Yêu cầu của ông Kim Văn D về việc tuyên bố Hợp đồng kinh tế nuôi thả cá khu vực A giữa Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Đ với ông Lê Văn P ngày 05/01/2011 đối với diện tích đất ruộng 480m² của gia đình ông Kim Văn D vô hiệu là có căn cứ, kháng cáo của hợp tác xã Đ không được chấp nhận.

Về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Văn P không có yêu cầu gì đối với ông Kim Văn D và Hợp tác xã Đ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y cho rằng bản án sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa toàn diện đầy đủ, chính xác vì đại biểu xã viên đã thống nhất 100% cho đấu giá công khai thả cá đối với diện tích chuyên thả cá và diện tích đất 1 lúa, 1 cá; Đại hội xã viên tháng 12 năm 2009 có 176/379 đại biểu tham gia phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 177 ngày 12/10/2004; Bản thân ông D do nợ sản phẩm nên không đủ điều kiện ký hợp

đồng, không chấp hành điều lệ hợp tác xã và Nghị quyết của Đại hội xã viên năm 2009; việc Hợp tác xã Đ ký hợp đồng với ông P là không trái với ngành nghề Hợp tác xã đã đăng ký; UBND xã B chỉ giao cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Đ quản lý quỹ đất chung và diện tích đầm ao, hồ để khai thác sử dụng nhằm phục vụ lợi ích chung trong đó có hộ ông D.

Quan điểm trên là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí: Quá trình giải quyết vụ án, ông Kim Văn D là nguyên đơn đã nộp 1.000.000đ tiền tạm ứng chi phí thẩm định tài sản. Tòa án đã chi phí 600.000đ còn lại 400.000đ cần trả lại cho ông Lê Văn D là phù hợp. Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ phải chịu 600.000đ tiền chi phí thẩm định tài sản. Do vậy, cần buộc Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ trả cho ông Kim Văn D số tiền 600.000đ là phù hợp.

Ông Kim Văn D yêu cầu buộc Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ và ông Lê Văn P phải liên đới bồi thường 1380kg thóc tính từ năm 2012 đến năm 2017 là: 12.420.000đ, nhưng không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do vậy, ông Kim Văn D phải chịu 12.420.000đ x 5% = 621.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được vào trừ số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0001757 ngày 31/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Ông Kim Văn D còn phải chịu tiếp 321.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ phải chịu 300.000đ (xác nhận đã nộp).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, 122, 130, 131, 483 và Điều 484 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Y.

1. Tuyên bố Hợp đồng kinh tế nuôi thả cá khu vực A giữa Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Đ và ông Lê Văn P ngày 05/01/2011 đối với diện tích đất ruộng 480m² của hộ gia đình ông Kim Văn D vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Kim Văn D về việc buộc Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ và ông Lê Văn P phải trả lại thửa đất ruộng số 187, tờ bản đồ số 5, diện tích 480m². Cấm ông Lê Văn P thả cá vào thửa đất trên của gia đình ông Kim Văn D. Khi thả cá phải có biện pháp bảo vệ không cho cá vào đất nông nghiệp của hộ gia đình ông D.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Kim Văn D về việc buộc Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ và ông Lê Văn P phải liên đới bồi thường 1380kg thóc tính từ năm 2012 đến năm 2017 là: 12.420.000đ.

4. Về án phí: Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo Biên lai số 0000647 ngày 29/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Ông Kim Văn D phải chịu 621.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được vào trừ số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0001757 ngày 31/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Ông Kim Văn D còn phải chịu tiếp 321.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đ phải trả lại cho ông Kim Văn D 400.000đ tiền tạm ứng chi phí thẩm định tài sản.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thúy Mai